

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

-----***-----

**Bản án số: 23/2017/HSST
Ngày: 19/12/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----*&-----

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hương.***
- ***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lộc Trang.
2. Bà Phùng Thị Hiến.***
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông.***
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.***

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2017/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2017. Đối với các bị cáo:

1.Đàm Văn Th, sinh ngày 06/5/1988.

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp: 10/12;

Con ông: Đàm Văn L và bà Lèng Thị C.

Có vợ là Trương Thị X; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị bắt giam, giữ từ ngày: 23/6/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Nông Văn G, sinh ngày 27/3/1993.

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã D, thành phố B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12;

Con ông: Nông Văn Kh và bà Chu Thị D.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị bắt giam, giữ từ ngày: 23/6/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có nghĩa vụ liên quan:*

- Đàm Văn L, sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh B.

Có mặt tại phiên tòa.

- Hoàng Thị Ch, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thị trấn Nông trường T, huyện V, tỉnh Y.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh B.

Có mặt tại phiên tòa.

- Lèng Thị C.

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh B.

Có mặt tại phiên tòa.

- Nông Văn K

Trú tại: Thôn B, xã D, thành phố B, tỉnh B.

Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

- Trần Văn Q.

Nơi ĐKKHKT: xã L, huyện C, tỉnh Y.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh B.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 20^h40' ngày 13/6/2017, Công an huyện B, tỉnh B nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu vực thôn N, xã C, huyện B, tỉnh B có một đối tượng nam giới có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã cử tổ công tác phối hợp với Công an xã C xác minh nguồn tin trên. Hồi 21^h00' cùng ngày tổ công tác kiểm tra phát hiện tại lề đường bên phải Quốc lộ 3 hướng Cao Bằng - Hà Nội thuộc thôn N, xã Cẩm G, huyện B, có một đối tượng đứng gần xe mô tô BKS 97AA-000.63. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra hành chính nhưng đối tượng có hành động bỏ chạy. Tổ công tác kịp thời không chế, đối

tượng không xuất trình được giấy tờ tùy thân, khai họ tên là Đàm Văn Th sinh năm 1988 trú tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh B. Qua kiểm tra phát hiện trên người Th có 01 gói nhỏ được gói bằng 02 lớp nilon màu trắng đục, bên trong có chứa chất bột màu trắng. Tiến hành thử phản ứng nhanh, kết quả trùng với đặc trưng của chất ma túy (heroin). Niêm phong gói nhỏ này trong phong bì ký hiệu “T”. Ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NEOSON màu xanh đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Drem màu đen trắng BKS 97AA-000.63; 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng và 01 xi lanh nhựa chưa qua sử dụng.

Tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng (trọng lượng) số chất bột màu trắng đã tạm giữ xác định: Số chất bột màu trắng có trong gói nhỏ được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T” có khối lượng (trọng lượng) là 0,229gam. Toàn bộ số chất bột màu trắng trên được gói lại và niêm phong trong phong bì ký hiệu “T1” để gửi cơ quan giám định; giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “T” được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T2”.

Tại bản kết luận giám định số 78/KTHS-MT ngày 16/06/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng có trong phong bì được niêm phong ký hiệu “T1” gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine. Sau giám định số chất bột màu trắng còn lại trong phong bì ký hiệu “T1” còn lại là 0,190gam cùng phong bì, giấy gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu “T78” hoàn trả lại cho cơ quan trưng cầu.

Quá trình điều tra, Đàm Văn Th thừa nhận gói nhỏ mà Cơ quan điều tra thu giữ là ma túy (heroin) của Thánh, cụ thể: Đàm Văn Th và Nông Văn G trú tại thôn B, xã D, thành phố B, cùng làm thuê ở xưởng gỗ bóc của Hoàng Thị Ch ở thôn K, xã H, huyện B, Th và G đều là người nghiện ma túy. Để có ma túy sử dụng hai người thường xuyên xuống khu vực thành phố B mua ma túy với những người không biết tên, tuổi, địa chỉ mang về sử dụng. Khoảng 20^h00’ ngày 13/6/2017, Th gọi điện thoại cho Nông Văn G nhưng Gi không nghe máy. Một lúc sau Gi gọi lại cho Th hỏi biết chỗ nào bán ma túy mua về để cùng nhau sử dụng, Th đồng ý. Cả hai hẹn gặp nhau ở khu vực Nhà máy gạch tuynen Cẩm Giàng, huyện B. Tại đây G đưa cho Th một tờ tiền polyme mệnh giá 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*). Th cầm tiền rồi đi xuống khu vực phường Nguyễn Thị Minh K, thành phố B mua được một gói ma túy với số tiền là 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) cùng một người đàn ông lạ mặt khoảng 30 tuổi, Th không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu. Sau khi mua được ma túy, Th bỏ vào túi quần sau bên phải đang mặc, rồi quay về đến khu vực thôn N, xã

C, huyện B, khi đang đứng đợi G để cùng nhau đi sử dụng gói ma túy trên thì bị Tổ công tác của Công an huyện B kiểm tra phát hiện và bắt giữ.

Quá trình giải quyết vụ án, Đàm Văn Th và Nông Văn G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai Th, G phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 25/KSĐT-MT ngày 16/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Đàm Văn Th và Nông Văn G về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 194/BLHS.

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ,... trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đàm Văn Th và Nông Văn G đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 20^h00’ ngày 13/6/2017 Nông Văn G gọi điện thoại trao đổi bàn bạc với Đàm Văn Th đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. G đưa cho Th số tiền 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) để đi mua ma túy. Sau khi mua được ma túy Th về đến khu vực thôn N, xã C, huyện B thì bị phát hiện bắt quả tang, gói ma túy thu giữ có khối lượng (trọng lượng) 0,229 gam.

Với những hành vi nêu trên do Đàm Văn Th và Nông Văn G thực hiện và tổng hợp các chứng cứ thấy việc truy tố, xét xử các bị cáo Đàm Văn Th và Nông Văn G về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Khoản 1 điều 194/BLHS là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a).....

b) Hêrôin ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

Như vậy, Khoản 1 Điều 249/BLHS 2015 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại Khoản 1 Điều 194/BLHS 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Căn cứ các quy định tại Khoản 3 Điều 7/BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội cần xem xét áp dụng điều luật có lợi cho bị can, bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong vụ án này còn có Hoàng Thị Ch là người đã cho G mượn xe mô tô BKS 97B1- 610.32 và chiếc điện thoại đi động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu trắng và ông Đàm Văn L là người cho Đàm Văn Th mượn xe mô tô BKS 97AA-000.63, nhưng khi cho mượn chị Ch và ông L không biết G và Th sử dụng vào việc phạm tội nên không xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông khoảng 30 tuổi mà theo Th khai nhận đã bán ma túy cho Th tại khu vực phường Nguyễn Thị Minh K, thành phố B, tỉnh B nhưng do Th không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Xét tính chất hành vi các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, các bị cáo cùng nhau phạm tội, không có sự bàn bạc, không có sự phân công vai trò, chuẩn bị công cụ phạm tội của từng bị cáo. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo khi lượng hình.

** Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Đàm Văn Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “ Người phạm tội

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; bị cáo có ông nội là liệt sĩ và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Ba, Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng và trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình tạm nộp một khoản tiền là 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo quy định tại Điểm p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46/BLHS.

- Bị cáo Nông Văn G không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “ Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình tạm nộp một khoản tiền là 2.500.000^d (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo quy định tại Điểm p Khoản 1; khoản 2 Điều 46/BLHS.

Đối với bị cáo Đàm Văn Th thuộc diện hộ nghèo nhưng tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đề nghị miễn khoản tiền án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Nông Văn G phải chịu thêm hình phạt bổ sung “Phạt tiền” theo quy định tại khoản 5 Điều 194/BLHS. Bị cáo Đàm Văn Th gia đình thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

* *Về vật chứng*:

- Trong quá trình điều tra xác định 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NEOSON màu xanh thu giữ của Đàm Văn Th sử dụng vào việc liên lạc để mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ phong bì, giấy gói niêm phong ban đầu ký hiệu “T” được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T2”; 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng và 01 xi lanh nhựa chưa qua sử dụng thu giữ của Đàm Văn Th.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: số chất bột màu trắng còn lại trong phong bì ký hiệu “T1” còn lại là 0,190gam; cùng phong bì, giấy gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu “T78”.

- Tạm giữ số tiền số tiền 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) do gia đình Đàm Văn Th tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08624 ngày 10/11/2017 để thi hành án đối với phần thi hành án dân sự của Đàm Văn Th.

Phần tiền còn thừa sau khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thi hành án dân sự trả lại cho Đàm Văn Th.

- Tạm giữ số tiền số tiền 2.500.000^d (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) do gia đình Nông Văn G tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 09077 ngày 23/10/2017 để thi hành án đối với phần thi hành án dân sự của Nông Văn G.

- Đối với xe mô tô BKS 97AA-000.63 nhãn hiệu Honda Drem màu đen trắng Đàm Văn Th sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy xác định là của ông Đàm Văn L (Bố đẻ của Đàm Văn Th). Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đàm Văn L là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với xe mô tô BKS 97B1-610.32 nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc (có dán nhiều giấy phủ màu xanh) và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn G là tài sản của Hoàng Thị Ch. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Hoàng Thị Ch là chủ sở hữu hợp pháp.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi xuất.

* *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Các bị cáo Đàm Văn Th và Nông Văn G phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46/BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Khoản 3 Điều 7/BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Đàm Văn Th 02(*Hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

- Áp dụng Khoản 1; Khoản 5 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46/BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Khoản 3 Điều 7/BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Nông Văn G 02(Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017. Phạt tiền bị cáo Nông Văn G 5.000.000^d (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 76/BLTTHS.

- Tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu NEOSON màu xanh thu giữ của Đàm Văn Th.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ phong bì, giấy gói niêm phong ban đầu ký hiệu “T” được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T2”; 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng và 01 xi lanh nhựa chưa qua sử dụng thu giữ của Đàm Văn Th.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: số chất bột màu trắng còn lại trong phong bì ký hiệu “T1” còn lại là 0,190gam; cùng phong bì, giấy gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu “T78”.

- Tạm giữ số tiền số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) do gia đình Đàm Văn Th tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 08624 ngày 10/11/2017 để thi hành án đối với phần thi hành án dân sự của Đàm Văn Th. Phần tiền còn thừa sau khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thi hành án dân sự trả lại cho Đàm Văn Th.

- Tạm giữ số tiền số tiền 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do gia đình Nông Văn G tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 09077 ngày 23/10/2017 để thi hành án đối với phần thi hành án dân sự của Nông Văn G.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi xuất.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Đàm Văn Th và bị cáo Nông Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Trại tạm giam CA tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B (khi án có hiệu lực);
- Sở tư pháp;
- Bị cáo (qua trại);
- THAHS (hết thời hạn kc, kn);
- Lưu HS;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hương